

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH BA
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 07/2017/HNGĐ-ST
Ngày 08 tháng 02 năm 2018
"V/v Hôn nhân và gia đình"*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH BA, TỈNH PHÚ THỌ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tạ Hồng Tuấn

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thu Hiền

2. Bà Vương Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Linh - Thư ký Tòa án

Hôm nay, ngày 08 tháng 02 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 01 năm 2018 về việc tranh chấp “*Hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Huyền T** - Sinh năm 1989

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh P

Nơi ở hiện tại: Khu 5, xã Mạn Lạn, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Bùi Quang M** - Sinh năm 1990;

Địa chỉ: Khu 5, thị trấn T, huyện T, tỉnh P;

Hiện đang chấp hành án phạt tù tại: Tổ 26, phân trại số 2, Trại giam T- Cục V26, Bộ Công an (Địa chỉ: Xã V, huyện H, tỉnh P).

Chị T có mặt, anh M có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Huyền T: Chị T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thanh Ba giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Quang M, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau khi ly hôn. Cụ thể, trong đơn khởi kiện, lời khai trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị **Nguyễn Thị Huyền T** trình bày như sau: Chị và anh Bùi Quang M tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 10/11/2009 tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với gia đình anh M được khoảng 04 năm. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra bất đồng mâu thuẫn và cho đến năm 2014, anh M phạm tội mua bán trái phép ma túy và bị kết án 07 năm tù và

hiện nay đang chấp hành án tại Trại giam T do vậy tình cảm vợ chồng dần xa cách. Chị xác định hôn nhân giữa chị với anh M không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn vì vậy chị yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Quang M.

- Về con chung: Chị và anh M có 01 con chung là Bùi Mạnh T: Sinh ngày 30/6/2011, hiện nay đang ở với chị và chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn, chị tự nguyện không yêu cầu anh M phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác chị và anh M không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn là anh **Bùi Quang M** hiện đang chấp hành án phạt tù nên không có mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai thể hiện quan điểm như sau: Anh và chị Nguyễn Thị Huyền T tự nguyện kết hôn với nhau ngày 10/11/2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh P. Sau khi kết hôn chị T về làm dâu gia đình anh, vợ chồng sống chung đến năm 2014 thì anh phạm tội và bị kết án 07 năm tù. Trong thời gian chấp hành án chị T có lên thăm anh, gần đây nhất là ngày 02/01/2018 và có thông báo cho anh biết về việc chị T làm đơn xin ly hôn với anh. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn vì vậy anh cũng yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh và chị Nguyễn thị Huyền T được ly hôn.

- Về con chung: Anh xác nhận anh và chị T có 01 con chung là Bùi Mạnh T: Sinh ngày 30/6/2011, hiện đang ở với chị T. Anh đồng ý để chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn và do điều kiện anh đang phải chấp hành án phạt tù nên không có khả năng cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác: Anh xác nhận anh và chị T không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Trong quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn là anh Bùi Quang M đang phải chấp hành án phạt tù nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải vụ án theo quy định của pháp luật. Anh M cũng đã có lời khai và có đề nghị xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử là phù hợp khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Bùi Quang M kết hôn với nhau hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật vì vậy là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên quá trình chung sống vợ chồng đã xảy ra những bất đồng và do anh M phải chấp hành án phạt tù trong thời gian dài nên đã ảnh hưởng nhiều đến tình cảm và hạnh phúc vợ chồng. Xét mục đích của hôn nhân không đạt được, chị T và anh M đều xác định tình cảm vợ chồng không còn và đều yêu cầu được ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên được chấp nhận.

[3]. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Huyền T và anh Bùi Quang M có 01 con chung là Bùi Mạnh T: Sinh ngày 30/6/2011, hiện đang ở với chị T. Do hiện nay anh M đang phải chấp hành án và chị T, anh M đều thống nhất chị T sẽ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung sau ly hôn, sự thống nhất thỏa thuận của hai bên là phù hợp với thực tế và điều kiện hoàn cảnh của mỗi bên hiện nay, cũng đảm bảo được quyền lợi của con chung và vậy được chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn: Do anh M đang chấp hành án, chị T cũng tự nguyện không yêu cầu vì vậy trong vụ án này không buộc anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn.

[4]. Về tài sản chung, vay nợ chung và các vấn đề khác chị T và anh M đều xác nhận không có, không yêu cầu nên không giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- **Xử:** Cho chị **Nguyễn Thị Huyền T** và anh **Bùi Quang M** được ly hôn.

- Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị Huyền T được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn là **Bùi Mạnh T**: Sinh ngày 30/6/2011. Anh Bùi Quang M không phải cấp dưỡng nuôi con chung (do chị T tự nguyện không yêu cầu).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung và các vấn đề khác chị T và anh M không có nên không giải quyết.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị Huyền T phải nộp 300.000.đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị Nguyễn Thị Huyền T đã nộp 300.000.đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Thanh Ba theo biên lai thu số AA/2015/0004073 ngày 15/01/2018.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- UBND thị trấn Thanh Ba;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà**

Tạ Hồng Tuấn